

Số: 177 /TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

V/v Báo cáo thường niên năm 2013

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

Năm báo cáo: Năm 2013

I. Thông tin chung của Công ty:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100105694
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 348 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 3 8643346
- Số fax: 04 3 8642586
- Website: <http://www.cement-t.com.vn>
- Mã cổ phiếu: TMX

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: Công ty thành lập ngày 02/7/2007.
- Thời điểm niêm yết: Ngày 02/11/2009.
- Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

+ Do có sự thay đổi đại diện phần vốn của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (quyết định số: 503/QĐ-XMVN ngày 22 tháng 4 năm 2008), Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 29/4/2008 đã thông qua để ông Vũ Văn Hiệp thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và rút khỏi Hội đồng quản trị Công ty; Đại hội đã bầu ông Dương Công Hoàn giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bầu bổ sung ông Hoàng Văn Tám vào Hội đồng quản trị Công ty (theo Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 25/4/2008).

+ Ngày 07/5/2009 ông Phạm Văn Nhận đã có đơn xin từ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty do chuyển công tác, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất để ông Phạm Văn Nhận thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 11/5/2009.

+ Để có đủ 05 thành viên như quy định tại Điều lệ Công ty nhằm phát huy năng lực trong lãnh đạo điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, ngày 27/8/2009 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất bầu bổ sung ông Đặng Phúc Tân - Quyền Trưởng phòng kinh doanh xi măng số 02 vào Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/9/2009. Ngày 16/4/2010 ông Đặng Phúc Tân đã có đơn đề nghị miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên bất thường ngày 16/4/2010 và thống nhất để ông Đặng Phúc Tân thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 16/4/2010.

+ Ngày 15/4/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành quyết định số 496/QĐ-XMVN về việc Cử người đại diện quản lý và điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ phần vốn Nhà nước của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem) tại Công ty cổ phần Thương mại xi măng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22/4/2010 đã bầu bổ sung bà Trần Thị Minh Anh vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất việc tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Trần Quang Tuấn giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/10/2009.

+ Ngày 15/9/2011 Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

+ Công ty đã lập dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót và dự án Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy, nhưng do tình hình khó khăn trong công tác đầu tư xây dựng, từ cuối năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm dừng đầu tư xây dựng 02 dự án này trong thời gian khoảng 03 năm.

+ Tháng 4/2012: Ông Nông Tuấn Dũng và ông Hoàng Văn Tám thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty; Ông Đặng Minh Hoàng và bà Nguyễn Thị Tuyết thôi giữ chức thành viên Ban kiểm soát Công ty do hết nhiệm kỳ. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty đã bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ mới 2012 - 2017. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên cũ là bà Trần Thị Minh Anh, ông Dương Công Hoàn, ông Đình Xuân Cầm và 02 thành viên mới là bà Phan Thị Tố Oanh và ông Đỗ Ngọc Thạch. Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017 có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên cũ là bà Tô Thị Minh Phượng và 02 thành viên mới là bà Trần Thị Hải Nga (Trưởng ban) và bà Lê Thị Hồng Thu (thành viên) theo đúng quy định.

+ Từ ngày 01/6/2013 ông Trần Quang Tuấn thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty do chuyển công tác về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

theo quyết định số 349/QĐ-TMXXM ngày 31/5/2013.

+ Từ ngày 01/7/2013 Công ty giải thể phòng Quản lý dự án và kỹ thuật đầu tư xây dựng và phòng Kinh doanh Vật liệu xây dựng theo quyết định số 439/QĐ-TMXXM ngày 25/6/2013.

+ Từ ngày 15/7/2013 ông Đặng Phúc Tân được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty theo quyết định số 489/QĐ-TMXXM ngày 11/7/2013.

+ Công ty đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh Phó giám đốc, Trưởng phòng và một số chức danh khác theo đúng quy định.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Kinh doanh các loại xi măng;

+ Cho thuê bất động sản;

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, v.v...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, các Phó Giám đốc và các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Công ty có các phòng ban chức năng như: Phòng Tổ chức lao động; Phòng Tài chính kế toán; Văn phòng Công ty; Phòng Thị trường xi măng; Các Văn phòng đại diện.

+ Các đơn vị kinh doanh: Các phòng Kinh doanh xi măng; Chi nhánh tại Thái Nguyên.

+ Trực thuộc các đơn vị kinh doanh là các cửa hàng bán xi măng; Các cửa hàng đại lý, các nhà phân phối cấp 2 của Công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Mục tiêu định hướng phát triển Công ty năm 2014:

* Sản lượng mua vào, bán ra	:	1.045.000	tấn
* Doanh thu bán hàng	:	1.126.626	triệu đồng
* Nộp ngân sách	:	8.147	triệu đồng
* Lợi nhuận trước thuế	:	5.103	triệu đồng
* Tỷ lệ cổ tức dự kiến	:	5	% / năm

- + Mục tiêu định hướng phát triển Công ty năm 2015:
- * Sản lượng mua vào, bán ra : 1.100.000 tấn
 - * Doanh thu bán hàng : 1.164.585 triệu đồng
 - * Nộp ngân sách : 8.500 triệu đồng
 - * Lợi nhuận trước thuế : 7.500 triệu đồng
 - * Tỷ lệ cổ tức : 7 % / năm
- + Mục tiêu định hướng phát triển Công ty năm 2016:
- * Sản lượng mua vào, bán ra : 1.150.000 tấn
 - * Doanh thu bán hàng : 1.217.521 triệu đồng
 - * Nộp ngân sách : 9.000 triệu đồng
 - * Lợi nhuận trước thuế : 8.000 triệu đồng
 - * Tỷ lệ cổ tức : 8 % / năm

6. Các rủi ro: Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu của Công ty bao gồm:

Rủi ro tín dụng: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013:

- Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

Đơn vị tính: Tấn.

CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU NĂM 2013	THỰC HIỆN MUA VÀO			THỰC HIỆN BÁN RA		
		Tổng số	% so với mục tiêu	% so với năm 2012	Tổng số	% so với mục tiêu	% so với năm 2012
Tổng số	1.050.000	985.065	93,8	101,9	1.000.128	95,3	99,7
- XM H. Thạch	685.000	596.840	87,1	99,8	608.965	88,9	96,8
- XM Bim Sơn	10.000	15.724	157,2	208,0	15.766	157,7	199,1
- XM Bút Sơn	320.000	350.744	109,6	107,0	353.260	110,4	105,8
- XM Tam Điệp	35.000	21.757	62,2	66,0	22.137	63,2	68,9

- Công tác tài chính năm 2013:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Mục tiêu	Thực hiện	% so với mục tiêu	% so với năm 2012
- Doanh thu	1.100.937	1.031.522	93,7	94,2
- Nộp ngân sách	10.209	9.342	91,5	58,3
- Lợi nhuận trước thuế	8.640	9.279	107,4	81,7
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%/năm)	6	8	133,3	80,0

- Công tác lao động tiền lương năm 2013:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu	Thực hiện	% so với MT	% so với 2012
- Lao động bình quân	người	237	230	97,0	93,9
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	17.458.423	17.409.000	99,7	94,4
- Tiền lương bình quân	đ/người/tháng	6.030.036	6.195.652	102,7	100,5
- Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	6.630.036	6.795.652	102,5	101,2

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng Công ty:

+ Bà Trần Thị Minh Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.800.000 cổ phần.

+ Ông Dương Công Hoàn - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Cty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.080.000 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu: 2.400 cổ phần.

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện nắm giữ: 1.082.400 cổ phần.

+ Ông Đinh Xuân Cầm - TV Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 698.614 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu: 2.500 cổ phần.

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện nắm giữ: 701.114 cổ phần.

+ Bà Phan Thị Tố Oanh - TV Hội đồng quản trị - TP. KDXM số 01.

Số cổ phần sở hữu: 11.700 cổ phần.

+ Ông Đỗ Ngọc Thạch - TV Hội đồng quản trị.

Số cổ phần sở hữu: 601.500 cổ phần.

+ Ông Nông Tuấn Dũng - Phó Giám đốc Công ty.

Số cổ phần sở hữu: 6.000 cổ phần.

+ Ông Đặng Phúc Tân - Phó Giám đốc Công ty:

Số cổ phần sở hữu: 12.300 cổ phần.

- Những thay đổi trong năm của Ban giám đốc, Kế toán trưởng:

+ Từ ngày 01/6/2013 ông Trần Quang Tuấn thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty do chuyển công tác về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo quyết định số 349/QĐ-TMXM ngày 31/5/2013.

+ Từ ngày 15/7/2013 ông Đặng Phúc Tân được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty theo quyết định số 489/QĐ-TMXM ngày 11/7/2013.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm ngày 01/01/2014 là 219 người.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót và Dự án khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy đang trong giai đoạn tạm dừng đầu tư xây dựng theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	%tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	215.734	206.097	95,53
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.094.745	1.031.522	94,22
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.443	7.419	115,15
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	4.919	1.859	37,79
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.363	9.279	81,66
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.469	6.917	81,67
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến	%	10	8	80

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Tăng, giảm
- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,58	1,63	0,05
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1,51	1,56	0,05
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ /Tổng tài sản	Lần	0,62	0,61	-0,01
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,66	1,53	-0,13
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Lần	83,87	92,56	8,69
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	5,07	5,01	-0,06
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,77	0,67	-0,10
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,44	8,50	-1,94
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,93	3,36	-0,57
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,59	0,72	0,13

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là 6.000.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 20/6/2013 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp:

- Cổ đông lớn: Có 02 cổ đông lớn nắm giữ 4.180.114 cổ phần chiếm tỷ lệ 69,67% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.578.614 cổ phần chiếm tỷ lệ 59,64% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông tổ chức: Có 04 cổ đông nắm giữ 3.861.850 cổ phần chiếm tỷ lệ 64,36% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông tổ chức trong nước: Có 03 cổ đông nắm giữ 3.771.750 cổ phần

chiếm tỷ lệ 62,86% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông tổ chức nước ngoài: Có 01 cổ đông nắm giữ 90.100 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,50% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông cá nhân: Có 515 cổ đông nắm giữ 2.138.150 cổ phần chiếm tỷ lệ 35,64% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông cá nhân trong nước: Có 514 cổ đông nắm giữ 2.138.050 cổ phần chiếm tỷ lệ 35,63% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông cá nhân nước ngoài: Có 01 cổ đông nắm giữ 100 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0016% vốn điều lệ của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2013: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

a) Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

Đơn vị tính: Tấn.

CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU NĂM 2013	THỰC HIỆN MUA VÀO			THỰC HIỆN BÁN RA		
		Tổng số	% so với mục tiêu	% so với năm 2012	Tổng số	% so với mục tiêu	% so với năm 2012
Tổng số	1.050.000	985.065	93,8	101,9	1.000.128	95,3	99,7
- XM H. Thạch	685.000	596.840	87,1	99,8	608.965	88,9	96,8
- XM Bim Sơn	10.000	15.724	157,2	208,0	15.766	157,7	199,1
- XM Bút Sơn	320.000	350.744	109,6	107,0	353.260	110,4	105,8
- XM Tam Điệp	35.000	21.757	62,2	66,0	22.137	63,2	68,9

b) Công tác tài chính năm 2013:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Mục tiêu	Thực hiện	% so với mục tiêu	% so với năm 2012
- Doanh thu	1.100.937	1.031.522	93,7	94,2
- Nộp ngân sách	10.209	9.342	91,5	58,3
- Lợi nhuận trước thuế	8.640	9.279	107,4	81,7
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%/năm)	6	8	133,3	80,0

c) Công tác lao động tiền lương năm 2013:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu	Thực hiện	% so với MT	% so với 2012
- Lao động bình quân	người	237	230	97,0	93,9
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	17.458.423	17.409.000	99,7	94,4
- Tiền lương bình quân	đ/người/tháng	6.030.036	6.195.652	102,7	100,5
- Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	6.630.036	6.795.652	102,5	101,2

d) Công tác đầu tư xây dựng năm 2013:

Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót và Dự án khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy đang trong giai đoạn tạm dừng đầu tư xây dựng theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

e) Công tác đa dạng hóa kinh doanh: Doanh thu thu được từ công tác kinh doanh cho thuê bất động sản và các dịch vụ khác năm 2013 là 10,140 tỷ đồng.

2. Đánh giá chung tình hình thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013:

a) Những việc đã làm được:

- Cơ bản đã xử lý cơ chế kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường tại từng khu vực, theo từng thời điểm, đặc biệt là các khu vực giáp ranh để tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thương trường.

- Phối hợp cùng các Công ty sản xuất xi măng đưa xi măng vào các công trình Nông thôn mới huyện Đan Phượng, Sơn Tây; các công trình làm đường tại Yên Bái và Lào Cai.

- Thường xuyên phối hợp với các Công ty sản xuất và các đơn vị vận tải, cùng nhau bàn bạc tháo gỡ khó khăn, đảm bảo lượng tồn xi măng hợp lý tại các địa bàn.

- Duy trì việc làm, ổn định đời sống cho CBCNV trong Công ty.

b) Những mặt tồn tại:

- Công tác kinh doanh tiêu thụ xi măng: Sản lượng tiêu thụ của Công ty chưa đạt mục tiêu đề ra và giảm so với năm 2012.

- Công tác quản lý và thu hồi công nợ của các đơn vị kinh doanh xi măng mặc dù đã được quan tâm song vẫn cao so với quy định của Công ty.

c) Nguyên nhân:

- Sức tiêu thụ xi măng trên thị trường năm 2013 vẫn trầm lắng, thị trường bất động sản vẫn chưa có khởi sắc. Thị trường tiền tệ chưa ổn định, mức lãi suất

cho vay thực tế của các ngân hàng đã có xu hướng giảm nhưng một số doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận nguồn vốn làm cho các công trình xây dựng kể cả các công trình dân sinh phải giãn tiến độ, một số công trình tạm thời phải ngừng thi công do không huy động được vốn.

- Tình hình cạnh tranh trên thị trường vẫn diễn ra hết sức gay gắt và quyết liệt. Đặc biệt là cạnh tranh về giá giữa xi măng của Vicem với các chủng loại xi măng khác với mức chênh lệch quá lớn đã làm cho sức cạnh tranh xi măng của Vicem bị suy giảm. Ngoài ra còn là việc cạnh tranh nội bộ giữa Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng với các NPP khác của các Công ty sản xuất trong cùng Vicem đối với một nhãn mác sản phẩm trên cùng một địa bàn.

- Tình hình công nợ của các đơn vị kinh doanh xi măng trong Công ty mặc dù đã được quan tâm song chuyển biến còn chậm, mức dư nợ tại các đơn vị đặc biệt là nợ luân chuyển trong tháng vẫn cao so với quy định của Công ty, do đó để tập trung cho công tác thu hồi công nợ các đơn vị đã phải áp dụng biện pháp dừng cấp hàng hoặc cấp hàng hạn chế cho các cửa hàng, khách hàng, NPP có mức dư nợ cao.

3. Nhiệm vụ, mục tiêu năm 2014:

a) Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

Tổng số : 1.045.000 tấn

Trong đó:

- Xi măng Hoàng thạch : 640.000 tấn.
- Xi măng Bim sơn : 35.000 tấn.
- Xi măng Bút sơn : 350.000 tấn.
- Xi măng Tam điệp : 20.000 tấn.

b) Công tác tài chính năm 2014:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
- Doanh thu	triệu đồng	1.126.626
- Nộp ngân sách	triệu đồng	8.147
- Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	5.103
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến	% / năm	5

c) Công tác lao động tiền lương năm 2014:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	17.409.000
- Tiền lương bình quân	đồng/người/tháng	6.624.429
- Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	7.224.429

4. Những biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2014:

Để thực hiện được các mục tiêu nhiệm vụ năm 2014 trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Công ty cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt những biện pháp chủ yếu sau đây:

- Thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, tăng cường mối quan hệ hợp tác với các Công ty sản xuất. Thường xuyên trao đổi thông tin để phối hợp quản lý kiểm soát chặt chẽ xi măng về đúng địa bàn, hạn chế đến mức thấp nhất việc cạnh tranh nội bộ, tạo nên sự bình đẳng trong kinh doanh đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

- Căn cứ vào mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị và xác định thị phần mà các đơn vị nắm giữ trên từng địa bàn để đảm bảo sản lượng tiêu thụ đạt và vượt mục tiêu Công ty giao cho.

- Từng bước chủ động trong khâu tổ chức, quản lý phương tiện vận tải và nguồn xi măng về địa bàn. Theo dõi sát diễn biến của thị trường, đặc biệt là khu vực đặc thù và khu vực giáp ranh, xử lý kịp thời cơ chế bán hàng để tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao sản lượng tiêu thụ.

- Tăng cường và củng cố mối quan hệ với khách hàng và bạn hàng truyền thống thông qua việc thăm hỏi, giao lưu để giữ được bạn hàng. Tiết kiệm triệt để chi phí quản lý, chi phí bán hàng để tăng sản lượng tiêu thụ và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Từng bước cải tiến cơ chế và phương thức kinh doanh của Công ty sao cho phù hợp với tình hình thị trường hiện nay, đặc biệt là công tác tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch, xi măng Bút Sơn. Thường xuyên đôn đốc công tác quản lý tiền - hàng và thu hồi công nợ của các đơn vị, không để xảy ra tình trạng phát sinh công nợ dây dưa kéo dài, khó đòi. Tiếp tục thực hiện công tác định biên và sắp xếp lại lao động tại các đơn vị theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả trong công việc.

- Nghiên cứu triển khai mô hình kinh doanh xi măng đảm bảo tính chủ động, gọn nhẹ, hiệu quả và phù hợp với xu thế thị trường trong thời gian tới.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tập trung giải quyết dứt điểm số công nợ tồn đọng lâu để thu hồi vốn cho Công ty.

- Tập trung khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của Công ty tại Hà Nội và các tỉnh.

5. Định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2016:

Các chỉ tiêu chính:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1	Sản lượng XM mua vào, bán ra	Tấn	1.100.000	1.150.000

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
2	Công tác tài chính			
-	Doanh thu	Triệu đồng	1.164.585	1.217.521
-	Nộp ngân sách	-	8.500	9.000
-	Lợi nhuận trước thuế	-	7.500	8.000
-	Tỷ lệ cổ tức	% / năm	7	8
3	Công tác lao động tiền lương			
-	Tổng quỹ tiền lương	1.000 đ	16.302.272	16.828.772
-	Tiền lương bình quân	đồng/người/tháng	6.260.473	6.522.780
-	Thu nhập bình quân	-	6.860.473	7.122.780

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2013 và tình hình thực hiện so với mục tiêu:

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ: 1.000.128 tấn đạt 95,3 % mục tiêu.
- Doanh thu : 1.031.522 tỷ đồng đạt 93,7 % mục tiêu.
- Nộp ngân sách : 9,342 tỷ đồng đạt 91,5 % mục tiêu.
- Lợi nhuận trước thuế : 9,279 tỷ đồng đạt 107,4 % mục tiêu.
- Cổ tức dự kiến : 8% / năm đạt 133,3 % mục tiêu.

2. Đánh giá tình hình công tác quản lý:

- Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trong năm 2013 Hội đồng quản trị Công ty ổn định về nhân sự. Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý cũng như các cuộc họp bất thường để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong quý, năm, xây dựng mục tiêu, chương trình công tác quý sau, năm sau; Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Phân tích, thảo luận và đi đến thống nhất quyết định các vấn đề về nhân sự, về sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác của Công ty. Hội đồng quản trị đã phát huy tinh thần dân chủ, tập trung trí tuệ, bàn phương hướng, nhiệm vụ và quyết nghị nhiều vấn đề trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện. Do đó, công tác quản lý đã có bước chuyển mới, góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo điều hành đẩy mạnh tiêu thụ xi măng bằng nhiều biện pháp như: đảm bảo chân hàng, cơ chế tiêu thụ (giá bán, chi phí bán hàng) được xử lý, điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường tại từng thời điểm do vậy đã góp phần giữ vững địa bàn, thị phần và lợi nhuận đảm bảo mục tiêu đề ra.

- Công tác tổ chức được chú trọng, từng bước cơ cấu lại doanh nghiệp, sắp xếp lại tổ chức trên cơ sở tinh giảm, gọn nhẹ bộ máy quản lý, giảm lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp.

- Chỉ đạo tận dụng năng lực cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty bằng cách cho thuê kho, trụ sở Công ty, trụ sở của các Văn phòng đại diện tại các tỉnh đồng thời chỉ đạo việc tiết kiệm chi phí lưu thông trong điều kiện cho phép nhằm tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo thu nhập cho CB.CNV và tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi nhuận để trả cổ tức cho các cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tìm nhiều biện pháp tích cực để chỉ đạo góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua được ổn định và có hiệu quả, bảo toàn được vốn, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức trả cho các cổ đông đạt mức Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Việc làm và đời sống của người lao động được đảm bảo.

- Tiếp tục duy trì áp dụng và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện kịp thời các quy chế về quản lý và điều hành của Công ty như: Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị Công ty, quy chế phân phối tiền lương, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế đào tạo, quy chế nâng bậc, nâng ngạch lương và một số các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Do thực hiện nghiêm túc các quy chế của Công ty nên công tác quản lý đã có nhiều chuyển biến tích cực đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau mỗi kỳ họp, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết nghị để chỉ đạo Giám đốc điều hành và thường xuyên kiểm tra đôn đốc.

Tuy nhiên trong quá trình quản lý, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy còn những hạn chế nhất định, cụ thể là:

- Công tác quản lý tiền, hàng và thu hồi công nợ của Công ty trong những năm qua mặc dù đã được lãnh đạo Công ty quan tâm và có chuyển biến tích cực, song mức dư nợ của một số cửa hàng, khách hàng vẫn còn ở mức cao so với quy định, vẫn phát sinh công nợ dây dưa, khó đòi và chưa thu hồi hết số tiền nợ của một số đối tượng và khách hàng nợ tồn đọng lâu ngày.

- Công tác đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý ở các phòng ban, đơn vị cần được đầu tư nâng cấp cho phù hợp với tình hình mới.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2014 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc Công ty cần tập trung chỉ đạo và giải quyết những vấn đề sau:

- Tiếp tục ổn định và đẩy mạnh việc kinh doanh xi măng, duy trì hợp lý việc kinh doanh đa dạng hóa, tìm mọi biện pháp để chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014. Đảm bảo tỷ lệ cổ tức chi trả cho các cổ đông theo mục tiêu Công ty xây dựng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, rà soát chi phí, thực hiện tiết kiệm để có điều kiện giảm chi phí bán hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty.

- Tiếp tục cải tiến mô hình tổ chức bộ máy quản lý, điều hành kinh doanh tiêu thụ xi măng theo hướng tăng cường tính chủ động cho các đơn vị cơ sở. Mở rộng mạng lưới kinh doanh tiêu thụ xi măng trên cơ sở tăng cường lao động trực tiếp, giảm lao động gián tiếp với phương châm tinh, gọn, hiệu quả và hiệu lực trong công việc. Tiếp tục cải tiến cơ chế và phương thức kinh doanh của Công ty, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra công tác kỷ luật lao động, công tác quản lý tiền, hàng và thu hồi công nợ, không để xảy ra tình trạng công nợ dây dưa kéo dài, khó đòi.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách, giải quyết tốt việc làm, thu nhập và đời sống đối với người lao động. Từng bước thực hiện việc đào tạo, đào tạo lại để nâng cao năng lực, trình độ CB.CNV ở các cấp đáp ứng yêu cầu công việc.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Bà Trần Thị Minh Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Thành viên độc lập.
Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.800.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 30,00% vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Dương Công Hoàn - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Cty.
Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.080.000 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu: 2.400 cổ phần.

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện nắm giữ: 1.082.400 cổ phần chiếm tỷ lệ 18,04% vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Đinh Xuân Cầm - TV Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 698.614 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu: 2.500 cổ phần.

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện nắm giữ: 701.114 cổ phần chiếm tỷ lệ 11,68% vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Phan Thị Tố Oanh - TV Hội đồng quản trị - TP. KDXM số 01.

Số cổ phần sở hữu: 11.700 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,195% vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Đỗ Ngọc Thạch - TV HĐ quản trị - Thành viên không điều hành.

Số cổ phần sở hữu: 601.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,025% vốn điều lệ của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: 04 buổi.
- Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị: Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong quý, năm, xây dựng mục tiêu, chương trình công tác quý sau, năm sau; Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Phân tích, thảo luận và đi đến thống nhất quyết định các vấn đề về nhân sự, về sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác của Công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

- Bà Trần Thị Hải Ngà - Trưởng ban.

Số cổ phần sở hữu: 1.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0167% vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Tô Thị Minh Phượng - Thành viên Ban Kiểm soát.

Số cổ phần sở hữu: 600 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Lê Thị Hồng Thu - Thành viên Ban Kiểm soát.

Số cổ phần sở hữu: 1.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,025% vốn điều lệ của Công ty.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát: 03 buổi.

- Nội dung các cuộc họp Ban Kiểm soát:

+ Lập kế hoạch công tác năm 2013.

+ Kiểm tra công tác kế toán, báo cáo tài chính năm 2012. Kiểm tra biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận nợ, trình tự phân cấp công nợ.

+ Rà soát thẩm định báo cáo quyết toán tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC). Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT trong năm 2013.

+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

+ Kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013, tình hình công nợ đến ngày 31/7/2013 và kiểm tra đối chiếu công nợ các phòng Kinh doanh xi măng và các cửa hàng. Thông báo và kiến nghị đến HĐQT và Ban Giám đốc nội dung kiểm tra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát:

- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị: Trong năm 2013 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 276.000.000 đồng.

- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: Trong năm 2013 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 108.000.000 đồng.

- Quyền lợi của Giám đốc Công ty: Căn cứ văn bản số 166/XMVN-HĐTV ngày 25/01/2014 của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, quỹ tiền lương năm 2013 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng là 309 triệu đồng.

- Thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng.
- + Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Cty : 5.000.000 đồng/tháng.
- + Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người/tháng.
- + Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng.
- + Thành viên Ban kiểm soát : 2.500.000 đồng/người/tháng.
- + Thư ký Công ty : 3.000.000 đồng/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - NĂM 2013

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.915.791.769	210.153.809.946
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	92.975.213.944	107.677.469.498
1. Tiền	111		72.975.213.944	107.677.469.498

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.831.775.131	92.754.146.483
1. Phải thu khách hàng	131		106.980.063.431	98.395.566.867
2. Trả trước cho người bán	132		108.339.100	1.224.324.746
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	4	1.975.672.506	1.201.575.446
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(10.232.299.906)	(8.067.320.576)
IV. Hàng tồn kho	140	6	7.949.702.694	9.393.698.965
1. Hàng tồn kho	141		7.949.702.694	9.393.698.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.100.000	328.495.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	159.100.000	328.495.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.181.333.406	5.580.584.183
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		6.138.996.471	5.580.584.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.877.097.408	5.111.899.975
- Nguyên giá	222		18.901.242.822	18.904.190.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.024.145.414)	(13.792.290.055)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	180.000.000	180.000.000
- Nguyên giá	228		315.000.000	315.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.000.000)	(135.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.081.899.063	288.684.208

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		42.336.935	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	42.336.935	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		206.097.125.175	215.734.394.129
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.746.447.627	134.628.128.261
I. Nợ ngắn hạn	310		122.817.347.627	132.844.028.261
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		110.052.649.720	112.383.478.461
3. Người mua trả tiền trước	313		96.327.465	60.018.978
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	12	4.413.135.548	4.838.423.446
5. Phải trả người lao động	315		3.143.881.270	3.470.281.970
6. Chi phí phải trả	316	13	1.446.076.638	3.704.632.514
7. Phải trả nội bộ	317	14	479.104.933	445.873.578
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	3.053.083.674	7.952.885.804
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		133.088.379	(11.566.490)
II. Nợ dài hạn	330		1.929.100.000	1.784.100.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	16	1.929.100.000	1.784.100.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.350.677.548	81.106.265.868
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	81.350.677.548	81.106.265.868
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.315.412.774	8.366.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.560.863.356	2.137.368.487
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.556.494.869	2.133.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.917.906.549	8.469.897.381
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		206.097.125.175	215.734.394.129
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		79.674.450	79.674.450
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - NĂM 2013

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.033.770.904.320	1.095.837.862.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	2.247.929.760	1.092.677.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.031.522.974.560	1.094.745.185.051
4. Giá vốn hàng bán	11	20	988.378.633.392	1.044.385.403.378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.144.341.168	50.359.781.673

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.561.514.550	2.825.499.310
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	22	23.852.945.856	28.834.160.119
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	14.433.000.959	17.907.248.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		7.419.908.903	6.443.872.071
11. Thu nhập khác	31	24	25.951.886.441	31.840.455.875
12. Chi phí khác	32	25	24.091.919.945	26.920.908.105
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1.859.966.496	4.919.547.770
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		9.279.875.399	11.363.419.841
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.1	2.361.968.850	2.893.522.460
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		6.917.906.549	8.469.897.381
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	27	1.153	1.412

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - NĂM 2013

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.279.875.399	11.363.419.841
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		666.533.493	753.922.030
- Các khoản dự phòng	03		2.164.979.330	3.539.427.149
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.561.514.550)	(4.967.322.210)
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.549.873.672	10.689.446.810
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.073.212.978)	(10.804.602.720)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.443.996.271	28.632.005.889
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.442.451.674)	(8.125.184.672)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.993.522.460)	(4.227.346.303)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		535.360.000	370.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(961.536.935)	(1.366.838.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.941.494.104)	15.167.480.087
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(310.536.000)	(99.813.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			2.518.540.734
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.561.514.550	2.825.499.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.250.978.550	5.244.226.408
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.011.740.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.011.740.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(14.702.255.554)	14.411.706.495
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		107.677.469.498	93.265.763.003
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3	92.975.213.944	107.677.469.498

Toàn văn báo cáo tài chính được kiểm toán Công ty đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ : <http://www.cement-t.com.vn>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Website của Cty;
- Lưu: VT, T.ký Cty.

S.H

GIÁM ĐỐC

Dương Công Hoàn